

Số: **130** /2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày **09** tháng **9** năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về yêu cầu quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia; điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho dự trữ quốc gia; chế độ thanh tra, kiểm tra và báo cáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung cấp, giao nhận và quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Nội dung quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Yêu cầu quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia.
2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia.
3. Thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Mục 1

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 4. Cơ sở quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia hoặc phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia chuyên ngành.

a) Đối với những mặt hàng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó đã quy định cụ thể các chỉ tiêu chất lượng thì phải tuân thủ theo các quy định về chỉ tiêu chất lượng, đặc tính kỹ thuật, đặc điểm sử dụng đối với từng mặt hàng và thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định;

b) Đối với những mặt hàng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, nhưng chỉ quy định yêu cầu kỹ thuật theo nhóm chỉ tiêu chất lượng mà không quy định các chỉ tiêu chất lượng cụ thể thì áp dụng theo quyết định của Bộ Tài chính hoặc quyết định của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính) ban hành các chỉ tiêu chất lượng, đặc tính kỹ thuật, đặc điểm sử dụng cụ thể của nhóm chỉ tiêu chất lượng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với từng mặt hàng;

c) Đối với những mặt hàng chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực phù hợp đối với từng mặt hàng. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực, áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở, các quy phạm quy định kỹ thuật của cơ sở sản xuất hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất;

d) Trường hợp chưa xây dựng được quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với mặt hàng mới đưa vào dự trữ; chưa kịp sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành do thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng và quyết định chỉ tiêu chất lượng và yêu cầu kỹ thuật bảo quản tạm thời để áp dụng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Trong thời gian tối đa mười tám tháng (18 tháng) kể từ ngày bổ sung mặt hàng mới, hoặc kể từ ngày thay đổi yêu cầu kỹ thuật hoặc công nghệ bảo quản mới, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải hoàn thành việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, gửi Bộ Tài chính ban hành.

2. Hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho phải tuân thủ theo đúng quy định liên quan đến quản lý chất lượng đối với từng mặt hàng dự trữ quốc gia tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản khác.

3. Hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho phải chịu sự thanh tra, kiểm tra về chất lượng theo quy định tại Mục 3 Chương này.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thanh tra, kiểm tra có thể sử dụng tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc đánh giá theo các yêu cầu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả của mình.

Điều 5. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thẩm định, chỉ định, công bố công khai theo quy định của pháp luật danh sách các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với hàng dự trữ quốc gia đặc chủng, chuyên ngành do bộ, ngành được phân công quản lý.

2. Kết quả đánh giá của các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là cơ sở pháp lý để đánh giá chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho; là cơ sở để phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

3. Nội dung đánh giá sự phù hợp gồm thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm định chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

4. Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 25 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp tuân thủ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Kết quả chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hàng dự trữ quốc gia của các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, phải gửi Bộ Tài chính để theo dõi, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước.

Điều 6. Chi phí đánh giá sự phù hợp

1. Đối với hàng nhập kho: đơn vị cung cấp hàng hóa dự trữ quốc gia phải trả chi phí cho tổ chức được chỉ định đánh giá sự phù hợp. Đối với khoản chi phí này được thể hiện trong hồ sơ mời thầu.

2. Đối với hàng lưu kho và xuất kho dự trữ quốc gia: đơn vị dự trữ quốc gia trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia phải trả chi phí cho tổ chức được chỉ định đánh giá sự phù hợp. Kinh phí chi cho đánh giá sự phù hợp được sử dụng từ nguồn kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Ngân sách nhà nước cấp.

Mục 2

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 7. Kho chứa hàng dự trữ quốc gia

1. Kho chứa hàng dự trữ quốc gia được xây dựng theo quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan và được xây dựng theo tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc

thù mỗi loại hàng dự trữ quốc gia; đảm bảo yêu cầu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Trường hợp kho cũ, kho thuê, nằm ngoài quy hoạch mạng lưới kho dự trữ quốc gia, thì hàng năm trước khi thực hiện nhập hàng, Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia căn cứ tình trạng chất lượng kho chứa, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định việc sử dụng kho chứa hàng dự trữ quốc gia.

Điều 8. Trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Đối với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

a) Đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia phải được trang cấp trang thiết bị, công cụ bảo quản phù hợp với công nghệ bảo quản đối với từng mặt hàng dự trữ quốc gia tương ứng và tuân thủ theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Trang thiết bị, công cụ bảo quản phải có danh mục, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật;

c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành định mức và tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ban hành định mức và tiêu chuẩn kỹ thuật trang thiết bị, công cụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia áp dụng đối với các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc Tổng cục.

2. Đối với các bộ, ngành được giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia

Các đơn vị được giao nhiệm vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia; đơn vị được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải có đầy đủ trang thiết bị, công cụ bảo quản, đáp ứng điều kiện nhập kho, xuất kho và lưu kho bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng dự trữ quốc gia.

Điều 9. Điều kiện tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với kỹ thuật viên bảo quản và thủ kho (kiêm giao nhận và bảo quản)

Kỹ thuật viên bảo quản, thủ kho (kiêm giao nhận và bảo quản) hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành.

Mục 3

THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 10. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia: Bộ Tài chính có trách nhiệm quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện thanh tra, kiểm tra về

chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 45 và Điều 52 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Tổng cục Dự trữ Nhà nước được Bộ Tài chính phân công thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng dự trữ quốc gia; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng dự trữ quốc gia được Chính phủ giao quản lý.

3. Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia trước khi nhập kho, xuất kho, trong quá trình lưu kho theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ trưởng cấp trên về chất lượng hàng dự trữ quốc gia do đơn vị trực tiếp quản lý.

Điều 11. Kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Hình thức kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Kiểm tra trước khi nhập kho, xuất kho và quá trình lưu kho;

b) Kiểm tra theo kế hoạch hàng năm và tự kiểm tra để phục vụ công tác quản lý.

2. Kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Thủ trưởng các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia khi nhập kho, xuất kho và lưu kho bảo quản theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia và theo phân cấp thẩm quyền được quy định tại Điều 10 của Thông tư;

b) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định kế hoạch tự kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia hàng năm theo yêu cầu quản lý và gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 năm trước để tổng hợp;

c) Kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch hàng năm do cơ quan quản lý chuyên trách về dự trữ quốc gia tiến hành;

d) Kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng dự trữ quốc gia

- Do yêu cầu quản lý, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện kiểm tra đột xuất chất lượng hàng dự trữ quốc gia. Việc kiểm tra đột xuất phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức tự kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia khi có biến động của thời tiết, khí hậu hoặc trong các trường hợp đột xuất khác.

3. Căn cứ kiểm tra về chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Yêu cầu quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

b) Yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên;

c) Quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia;

d) Theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các quy định về kiểm tra chất lượng của cấp có thẩm quyền đối với hàng dự trữ quốc gia trong quá trình lưu kho.

Điều 12. Kiểm tra hàng năm về chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Nội dung kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Kiểm tra hồ sơ chất lượng hàng dự trữ quốc gia: Hồ sơ chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho và lưu kho dự trữ quốc gia, bao gồm văn bản pháp quy quy định về chất lượng hàng dự trữ quốc gia, biên bản kiểm tra, giao nhận, kết quả đánh giá sự phù hợp chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập kho, xuất kho, lưu kho bảo quản và các tài liệu khác liên quan đến chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quyết định ban hành chất lượng tạm thời (đối với những mặt hàng mới chưa có quy chuẩn) và các quy định hiện hành (khi có yêu cầu);

c) Kiểm tra trực tiếp chất lượng hàng dự trữ quốc gia hoặc thuê tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định để đánh giá chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

2. Thực hiện kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Căn cứ kế hoạch kiểm tra hàng năm được phê duyệt, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

b) Lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

- Mẫu hàng hóa dự trữ quốc gia được lấy theo phương pháp lấy mẫu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia tương ứng đối với từng mặt hàng tại các đơn vị dự trữ quốc gia để trực tiếp kiểm tra tại đơn vị dự trữ quốc gia hoặc gửi đến tổ chức được chỉ định đánh giá sự phù hợp được quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này để thực hiện kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, giám định. Trường hợp không có quy định về phương pháp lấy mẫu thì lấy mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên với số lượng tối thiểu, đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra;

- Mẫu hàng hóa dự trữ quốc gia sau khi lấy phải được lập biên bản, niêm phong hoặc mã hóa (nếu cần thiết); biên bản lấy mẫu phải có chữ ký của người lấy mẫu, đại diện đơn vị dự trữ quốc gia được lấy mẫu; tem niêm phong mẫu theo mẫu số 03. TNPM tại phụ lục kèm theo Thông tư này;

- Biên bản lấy mẫu hàng hóa được quy định theo Mẫu số 02.BBLM tại phụ lục kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp đại diện đơn vị dự trữ quốc gia được lấy mẫu không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của người lấy mẫu và trưởng đoàn kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

c) Bàn giao mẫu: mẫu kiểm tra được giao đến bộ phận kiểm tra (với các chỉ tiêu đoàn kiểm tra tự tổ chức kiểm tra) hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp và phải được lập thành biên bản bàn giao mẫu theo Mẫu số 04.BBBGM tại phụ lục kèm theo Thông tư này. Mẫu kiểm tra được chuyển đến bộ phận kiểm tra hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định trong thời gian tối đa 10 ngày kể từ ngày mẫu kiểm tra được lấy theo quy định;

d) Lập biên bản kiểm tra hoặc phiếu kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

- Trường hợp Đoàn kiểm tra tự thực hiện kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng được thì sau khi có kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra; biên bản kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo mẫu số 01.BBKT tại phụ lục kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp Đoàn kiểm tra không trực tiếp thực hiện kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng hàng dự trữ quốc gia thì có thể lựa chọn tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định để kiểm tra. Kết quả kiểm định, thử nghiệm, giám định, chứng nhận của tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định là căn cứ để Đoàn kiểm tra kết luận, thông báo với cơ quan kiểm tra xử lý tiếp sau quá trình kiểm tra;

- Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy chất lượng hàng hóa không đạt yêu cầu trong trường hợp đang nhập hàng, thì Đoàn kiểm tra thông báo ngay kết quả kiểm tra cho đơn vị được kiểm tra biết để làm việc với đơn vị cung cấp hàng có biện pháp xử lý.

đ) Đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra thông qua biên bản kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

e) Đoàn kiểm tra kết luận về kết quả kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia; thông báo kết quả kiểm tra và kiến nghị với cơ quan đơn vị được kiểm tra; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Thời hạn thực hiện một cuộc kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

a) Đối với các cuộc kiểm tra hàng năm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ký quyết định kiểm tra, thời gian không quá ba mươi ngày;

b) Đối với các cuộc kiểm tra hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ký quyết định kiểm tra, thời gian không quá mười lăm ngày;

c) Đối với các cuộc kiểm tra khác, thời gian không quá năm ngày;

d) Thời hạn một cuộc kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra đến khi kết thúc việc kiểm tra tại nơi được kiểm tra, không kể ngày lễ, ngày nghỉ.

Điều 13. Thanh tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia

Việc thanh tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, thanh tra chuyên ngành. Nội dung thanh tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia là thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia, bao gồm:

1. Thanh tra việc chấp hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàng dự trữ quốc gia, các tiêu chuẩn, quy định cụ thể về chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

2. Thanh tra việc chấp hành các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia về kho chứa hàng, trang thiết bị công cụ bảo quản, kỹ thuật viên bảo quản, thủ kho và công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 14. Xử lý vi phạm chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1. Trường hợp hàng hóa không đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quyết định ban hành chất lượng tạm thời (đối với những mặt hàng mới chưa có quy chuẩn) và các quy định hiện hành thì được xử lý theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa không đảm bảo chất lượng do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân thì tập thể, cá nhân phải bồi thường tùy theo mức suy giảm chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

b) Đối với trường hợp hàng hóa dự trữ quốc gia không đảm bảo chất lượng do nguyên nhân khách quan thì đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xác định rõ nguyên nhân khách quan và báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết.

2. Trường hợp hàng hóa có kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng hoặc quyết định ban hành chất lượng tạm thời (đối với những mặt hàng mới chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia), thì xử lý như sau:

a) Hàng hóa đang trong quá trình nhập kho dự trữ quốc gia: đoàn thanh tra, kiểm tra yêu cầu đơn vị nhập hàng tạm dừng việc nhập hàng; đồng thời đề nghị đơn vị dự trữ quốc gia yêu cầu đơn vị cung cấp hàng thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục, sửa chữa trong thời hạn ghi trong biên bản kiểm tra. Hàng dự trữ quốc gia chưa đảm bảo chất lượng, yêu cầu đơn vị xử lý bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới được nhập kho. Việc nhập kho chỉ được tiếp tục khi đơn vị cung cấp hàng đảm bảo hàng dự trữ quốc gia đạt yêu cầu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đơn vị nhập hàng báo cáo bằng văn bản kèm theo bằng chứng cho cơ quan kiểm tra;

b) Hàng dự trữ quốc gia đang trong quá trình bảo quản hoặc trong quá trình xuất kho: Đoàn thanh tra, kiểm tra lập biên bản yêu cầu đơn vị bảo quản thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản kiểm tra và có báo cáo bằng văn bản về việc đã khắc phục, xử lý xong.

3. Trường hợp có vi phạm hành chính trong quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia, Đoàn thanh tra, kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và kiến nghị cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ chuyên cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về chất lượng hàng dự trữ quốc gia bao gồm:

a) Quyết định kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch hàng năm;

b) Biên bản kiểm tra của Đoàn thanh tra, kiểm tra;

c) Thông báo kết quả thử nghiệm mẫu hoặc bằng chứng khẳng định hàng hóa không đảm bảo chất lượng;

d) Biên bản vi phạm về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

- d) Đề xuất các giải pháp khắc phục xử lý;
- e) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý vi phạm hành chính về chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách (Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

1. Tham mưu giúp Bộ Tài chính thực hiện quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong phạm vi được phân công trực tiếp quản lý.
3. Tổng hợp tình hình quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia hàng năm để Bộ Tài chính báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Trách nhiệm của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia

1. Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong phạm vi được phân công quản lý.
2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Thông tư này; tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để tổng hợp, theo dõi báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (theo mẫu số 05. BCCL tại phụ lục kèm theo Thông tư này).
3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Cụ thể:
 - a) Báo cáo công tác quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 7 hàng năm;
 - b) Báo cáo công tác quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia cả năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;
 - c) Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia

1. Chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng và các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong phạm vi được giao trực tiếp quản lý.
2. Theo dõi, thống kê, tổng hợp và báo cáo tình hình chất lượng và các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng dự trữ quốc gia với cấp trên quản lý trực tiếp.
3. Chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản hoặc được giao nhiệm vụ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

1. Trực tiếp tổ chức thực hiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại hợp đồng thuê bảo quản đã ký kết.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng dự trữ quốc gia trong thời gian lưu kho theo đúng hợp đồng đã ký.

3. Chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Mục 3 Chương II của Thông tư này.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. / *mhi*

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDT. 101

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Chí

Mẫu 01. BBKT

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Chất lượng hàng dự trữ quốc gia

Số:

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13, ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật dự trữ quốc gia;

Căn cứ Thông tư số .../.../TT-BTC ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

Đoàn kiểm tra về chất lượng hàng dự trữ quốc gia được thành lập theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày tháng năm của ... đã tiến hành kiểm tra từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm tại

Thành phần đoàn kiểm tra gồm

1. chức vụ: Trưởng đoàn
2. Thành viên
3.

Đại diện đơn vị được kiểm tra:

1. chức vụ:
2.

Với sự tham gia của

1. chức vụ:
2.

I. Nội dung - kết quả kiểm tra:

II. Nhận xét và kết luận:

III. Yêu cầu đối với đơn vị:

IV. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau vào hồi ... giờ
ngày tháng ... năm.... tại, đã được các bên thông qua.
Đơn vị được kiểm tra giữ một (01) bản, Đoàn kiểm tra giữ một (01) bản lưu./.

Đại diện cơ sở được kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 02. BBLM

TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Theo Biên bản kiểm tra số:

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:

2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)

.....

3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)

.....

4. Phương pháp lấy mẫu: Theo TCVN hoặc QCVN hoặc phương pháp ngẫu nhiên:

STT	Tên mẫu, ký hiệu	Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Khối lượng (số lượng) lô hàng	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu: Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện cơ sở được lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra

Mẫu 03. TNPM

TEM NIÊM PHONG MẪU

Theo Biên bản lấy mẫu số ngày tháng năm

Tên mẫu

Số thứ tự trong biên bản lấy mẫu:

Ngày lấy mẫu

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của đơn vị dự trữ quốc gia được lấy mẫu khi niêm phong mẫu.

Mẫu 04. BBBGM

TÊN CƠ QUAN BÀN GIAO MẪU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ BÀN GIAO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

Theo Biên bản lấy mẫu số:

1. Thời gian bàn giao mẫu:
2. Tên đơn vị bàn giao mẫu:
3. Tên người giao mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
.....
4. Đại diện tổ chức thử nghiệm: (Họ tên, chức danh, đơn vị)
.....
5. Tình trạng mẫu:
6. Xác nhận của đơn vị thử nghiệm nhận mẫu:
.....

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản./.

Người giao mẫu

Cơ quan thử nghiệm mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 05. BCCL

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ
ĐƠN VỊ DỰ TRỮ QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao quy định tại.....

Căn cứ kế hoạch nhập kho, xuất kho hàng dự trữ quốc gia trong năm
tại.....

Căn cứ vào các văn bản quy định về quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc
gia.....

(Đơn vị dự trữ quốc gia) báo cáo công tác quản lý chất lượng hàng dự trữ
quốc gia (theo yêu cầu tại.....; 6 tháng đầu năm; năm...), như sau:

I. Báo cáo tổng quát về chất lượng hàng dự trữ quốc gia

1.

2.

3.

**II. Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc
gia trong thời gian....**

1.....

2.....

**III. Kết luận về công tác quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong thời
gian.....**

1.....

2.....

IV. Ý kiến của đơn vị:

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)